

Số: /NQ-UBTVQH16

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
thành lập Hội đồng khoa học của Ủy ban Thường vụ Quốc hội
nhiệm kỳ 2026-2031

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 133/2025/QH15 và Luật số 148/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 74/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Quốc hội;

Căn cứ Quy chế làm việc của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/2022/UBTVQH15 ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 90/2025/UBTVQH15 ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 233/NQ-UBTVQH16 ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân công nhiệm vụ đối với Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội, các Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI;

Xét đề nghị của Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội tại Tờ trình số 1362/TTr-VPQH ngày 27 tháng 5 năm 2026 về việc thành lập Hội đồng khoa học của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhiệm kỳ 2026 - 2031,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập Hội đồng khoa học của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhiệm kỳ 2026-2031

1. Thành lập Hội đồng khoa học của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhiệm kỳ 2026-2031 gồm 27 thành viên có tên trong Danh sách kèm theo Nghị quyết này.

2. Hội đồng khoa học của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

3. Văn phòng Quốc hội là cơ quan thường trực của Hội đồng khoa học, có trách nhiệm tham mưu, phục vụ và bảo đảm các điều kiện hoạt động của Hội đồng khoa học.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn và nguyên tắc, chế độ làm việc của Hội đồng khoa học

1. Hội đồng khoa học có nhiệm vụ giúp Ủy ban Thường vụ Quốc hội tư vấn, tham mưu về định hướng, chương trình, kế hoạch hoạt động khoa học; điều hòa, phối hợp trong việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học trong các cơ quan của Quốc hội và Văn phòng Quốc hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Hội đồng khoa học như sau:

a) Thảo luận, thông qua phương hướng, chương trình công tác của Hội đồng khoa học trong nhiệm kỳ và hằng năm;

b) Cho ý kiến về định hướng nghiên cứu khoa học 05 năm và hằng năm trong các cơ quan của Quốc hội và Văn phòng Quốc hội;

c) Cho ý kiến đối với kế hoạch tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học hằng năm, chương trình khoa học cấp bộ trong các cơ quan của Quốc hội và Văn phòng Quốc hội;

d) Cho ý kiến đối với nhiệm vụ khoa học quan trọng, liên ngành, có phạm vi ảnh hưởng lớn hoặc đối với các vấn đề khác theo yêu cầu của Lãnh đạo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và cơ quan có thẩm quyền;

đ) Tư vấn hoặc tham gia phản biện khoa học đối với các vấn đề lý luận, thực tiễn phục vụ hoạt động của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

e) Đề xuất kiến nghị liên quan đến cơ chế, chính sách và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động khoa học trong các cơ quan của Quốc hội và Văn phòng Quốc hội;

g) Tổ chức hoặc tham gia phản biện khoa học, tham gia ý kiến độc lập, khách quan đối với dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết, đề án lớn, chính sách quan trọng hoặc các vấn đề có tác động lớn đến kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Lãnh đạo Quốc hội hoặc cơ quan có thẩm quyền;

h) Đề xuất nội dung nghiên cứu, phản biện sớm đối với các chính sách lớn đang trong quá trình xây dựng nhằm nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật và hoạch định chính sách;

i) Thực hiện nhiệm vụ khác theo phân công của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Nguyên tắc, chế độ làm việc của Hội đồng khoa học được thực hiện theo Quy chế hoạt động do Hội đồng khoa học ban hành.

Điều 3. Kinh phí hoạt động của Hội đồng khoa học

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng khoa học được ngân sách nhà nước bảo đảm trong dự toán chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do Văn phòng Quốc hội quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

2. Chế độ, định mức chi theo quy định hiện hành về lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, cơ quan, tổ chức có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

2. Văn phòng Quốc hội có trách nhiệm tham mưu, phục vụ và bảo đảm các điều kiện hoạt động của Hội đồng khoa học theo quy định.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Hội đồng khoa học của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhiệm kỳ 2021-2026 chấm dứt hoạt động kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành. 

Nơi nhận:

- CTQH, các PCTQH;
- Như Điều 4;
- Đảng ủy Quốc hội;
- Ủy viên UBTƯQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Lưu: HC, TTTV. 

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Mẫn

DANH SÁCH**Hội đồng khoa học của Ủy ban Thường vụ Quốc hội
nhiệm kỳ 2026-2031**

*(Kèm theo Nghị quyết số .../NQ-UBTVQH16 ngày ... tháng ... năm 2026
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)*

- 1. TS. Nguyễn Khắc Định, Phó Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng;**
2. PGS.TS. Nguyễn Thanh Hải, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội, Phó Chủ tịch Hội đồng;
3. TS. Nguyễn Văn Hiền, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng;
4. TS. Đinh Thị Phương Lan, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Ủy viên;
5. TS. Nguyễn Thị Thủy, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội, Ủy viên;
6. PGS.TS. Phạm Thị Hồng Yến, Ủy viên chuyên trách Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội, Ủy viên;
7. PGS.TS. Triệu Thế Hùng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội, Ủy viên;
8. GS.TS. Nguyễn Minh Đức, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại của Quốc hội, Ủy viên;
9. ThS. Nguyễn Phương Tuấn, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội, Ủy viên;
10. ThS. Tạ Thị Yên, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội, Ủy viên;
11. TS. Trần Thị Nhị Hà, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội, Ủy viên;
12. TS. Nguyễn Quân, nguyên Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy viên;
13. GS.TS. Phan Trung Lý, nguyên Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, Ủy viên;
14. GS.TS. Hoàng Thế Liên, nguyên Thứ trưởng Bộ Tư pháp, Ủy viên;
15. PGS.TS. Lê Minh Thông, nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, Ủy viên;

16. GS.TS. Võ Khánh Vinh, nguyên Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Ủy viên;

17. TS. Võ Trí Thành, nguyên Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Ủy viên;

18. TS. Trương Văn Phước, nguyên Quyền Chủ tịch Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia, Ủy viên;

19. TS. Cấn Văn Lực, Chuyên gia Kinh tế trưởng Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Thành viên Hội đồng Tư vấn chính sách tài chính - tiền tệ Quốc gia, Ủy viên;

20. PGS.TS. Hồ Sỹ Hùng, Chủ tịch Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Ủy viên;

21. PGS.TS. Nguyễn Mạnh Hùng, Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy viên;

22. GS.TS. Lại Quốc Khánh, Phó Tổng thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương, Ủy viên;

23. TS. Trần Công Phàn, Phó Chủ tịch Thường trực Hội Luật gia Việt Nam, Ủy viên;

24. PGS.TS. Tô Văn Hòa, Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội, Ủy viên;

25. ThS. Nguyễn Hoàng Hải, Trợ lý Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên;

26. ThS. Hoàng Thị Lan Nhung, Vụ trưởng Vụ Thông tin và Thư viện, Văn phòng Quốc hội, Ủy viên Thường trực;

27. ThS. Đinh Thanh Hương, Phó Vụ trưởng Vụ Thông tin và Thư viện, Văn phòng Quốc hội, Ủy viên, Thư ký Hội đồng. ~~✱~~